

Đáp lời thỉnh cầu của đức Đạt-lai Lạt-ma, ngài soạn lại tiểu sử của rất nhiều vị đại Lạt-ma, cùng một bộ sách rất công phu nói về lịch sử tôn giáo Tây Tạng. Ngài đã từng thuyết pháp ở nhiều nơi trên thế giới như Úc, Tân Tây Lan, Mỹ và các nước Âu Châu. Với tính tình vui vẻ ấm cúng, trí tuệ sâu thẳm cùng lời dạy luôn gần gũi với thực tế, ngài là đáng đạo sư vô vàn kính yêu của Phật tử nhiều nơi trên thế giới.

Tiểu sử của Ribur Rinpoche được trích ra từ tập sách:

How to Generate Bodhicitta (Phát Tâm Bồ Đề)

by *Ribur Rinpoche*, translated by *Fabrizio*

http://www.lamayeshe.com/otherteachers/ribur/hgb_1.shtml

Hồng Như Thupten Munsel chuyển Việt ngữ tháng 03/2006, dịch gấp để cúng dường Ribur Rinpoche vừa viên tịch tháng 01/2006. Hiệu đính tháng 09/2006.

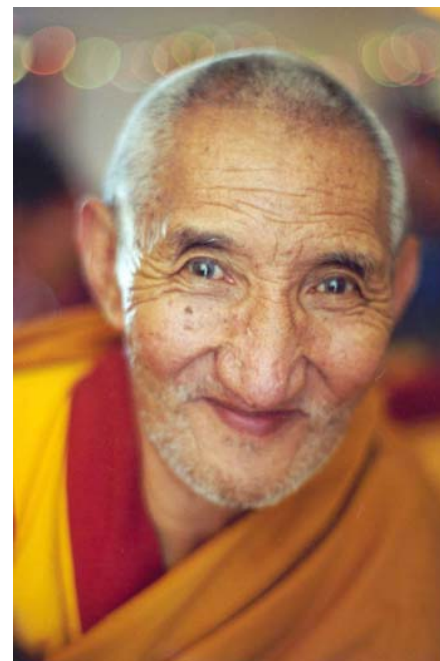
http://www.vietvajra.org/Translations/Viet_PhátTamBoDe_RiburR_HN_BOOKLET_10042006_VPS.pdf

Ribur Rinpoche đã để lại xá lợi sau khi viên tịch. Muốn biết thêm chi tiết, xin vào xem trang nhà:

http://www.medicinebuddha.org/kyabje_ribur_rinpoche.htm

Muốn đọc thêm tiểu sử của các đại đạo sư Tây-Tạng, xin vào xem trang nhà www.vietvajra.org.

Tiểu Sử Ribur Rinpoche



Hình bìa: Ribur Rinpoche, nhiếp ảnh Mark Gatter.

Ngài Ribur Rinpoche sinh năm 1923 tại tỉnh Kham nước Tây tạng. Năm lên năm, ngài được xác nhận là hóa thân đời thứ sáu của Lạt-ma Kunga Osel, một đại sư uyên thâm quảng bác đã tỉnh tọa nhập thất trong suốt thời gian

mười hai năm cuối cuộc đời. Năm vị hóa thân đời trước của ngài đều là sư trưởng của Tu Viện Ribur ở Kham.

Năm 14 tuổi, Ribur Ripoché vào Tu Viện Sera tu học. Đây là một trong những viện đại học Phật giáo lớn nhất của dòng Gelug tại thủ đô Lhasa. Từ đó ngài bắt đầu ráo riết tu học Phật pháp, đến năm 25 tuổi nhận bằng tiến sĩ Phật học (Geshe degree). Trong thời gian tu học tại Tu Viện Sera, ngài thường đến dự khóa giảng và nhận nhiều pháp quán đánh từ đẳng bốn sư là ngài Pabongka Rinpoche, lúc bấy giờ đang là vị thầy cao trọng nhất của dòng Gelug. Sau khi tu học hoàn tất, Ribur Rinpoche trở về Kham, nhiều năm nhập thất trong căn chòi nhỏ dựng giữa rừng. Đến năm 1950, Trung Quốc xâm nhập Tây tạng, hoàn cảnh xứ Kham càng lúc càng nguy hiểm. Năm 1955, một trong những đáng đạo sư của ngài là Trijang Rinpoche đã khuyên ngài nên về Lhasa để tiếp tục nhập thất tu học.

Nhưng ngay sau đó tình thế ở thủ đô Lhasa cũng không còn an toàn. Từ năm 1959 (là năm người dân Tây Tạng vùng dậy) cho đến năm 1976, ngài phải trải qua nhiều cảnh sống khó khăn cùng cực, bị tù đày, đánh đập, làm chứng nhân bất lực trước sức tàn phá khủng khiếp của cuộc Cách Mạng Văn Hóa. Dù vậy, ngài vẫn giữ được

niềm an lạc, hoan hỉ hành trì những pháp tu đã học. Ngài nói, “tôi không thật sự cảm thấy khổ sở khó khăn khi phải sống trong nghịch cảnh như vậy. Đó toàn là nhờ lòng từ bi của Lạt-ma Dorje Chang [Pabongka Rinpoche]. Nhờ thầy tôi mà tôi học được một vài phương pháp chuyển tâm, khi gặp nghịch cảnh tâm tôi tức thì nhìn ra chân tướng của luân hồi, của phiền não ô nhiễm, của nghiệp quả, v.v. Vì vậy tôi thật sự cảm thấy thoải mái an lạc.”

Sau Cách Mạng Văn Hóa, ngài cùng đức Ban-thiền Lạt-ma (Panchen Lama) ra sức gom lại kho tàng Phật Pháp Tây Tạng đã bị phá hủy. Hai thành tựu đáng kể của ngài là tìm lại được hai tượng Phật Thích Ca quý giá nhất ở Tây Tạng: Jowo Chenpo và Ramo Chenpo. Hai pho tượng này do hai vị hoàng hậu của vua Songsten Gampo (617-698), một vị người Trung Hoa và một vị người Nepal, đưa vào Tây tạng. Đến thời Cách mạng Văn Hóa, hai pho tượng này bị chở đi Bắc Kinh, cất trong một kho hàng nào đó chung với hàng ngàn pho tượng khác, thất lạc suốt 17 năm mãi đến khi Ribur Rinpoche tìm lại được, hoàn trả về lại chùa cũ ở Lhasa.

Năm 1987, Ribur Rinpoche rời Tây Tạng sang tỉnh Dharamsala ở nước Ấn Độ để tìm gặp đức Đạt-lai Lạt-ma. Từ đó về sau ngài trụ tại Tu Viện Namgyal ở Dharamshala.